TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TP. BUÔN MA THUỘT** **TỈNH ĐĂK LĂK**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 30 - 6 - 2020
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐĂK LĂK

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Phạm Thị Kim Cúc.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Công Chính.

2. Ông Nông Hữu Dần.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Hương – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đăk Lăk.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 30 tháng 6 năm 2020, tại phòng xử án - Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 90/2020/TLST-HNGĐ, ngày 21 tháng 02 năm 2020 về việc "Tranh chấp ly hôn và nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2020/QĐXXST –HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 45/2020/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Bùi Thị Hương G – Sinh năm 1992. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: 64 đường P, tổ dân phố x, thị trấn E, huyện C, tỉnh Đắk Nông.

2. Bị đơn: Ông Trần Trọng T – Sinh năm 1989. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số nhà xx, thôn x, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Bùi Thị Hương G trình bày:** Ngày 18/11/2014 bà G có đăng ký kết hôn với ông Trần Trọng T tại Uỷ ban nhân dân xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk trên cơ sở tự nguyện. Sau một thời gian chung sống thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, không hợp nhau trong tính cách. Hiện ông bà đã sống ly thân được một thời gian. Xét thấy

tình cảm không còn, không thể duy trì mối quan hệ hôn nhân này, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho bà G được ly hôn với ông T.

Về con chung: Trong quá trình chung sống bà Bùi Thị Hương G và ông Trần Trọng T có 01 đứa con chung là cháu Trần Thị Hoài Th, sinh ngày 27/6/2015. Hiện cháu Th đang ở với mẹ. Bà G có nguyện vọng được chăm sóc nuôi dưỡng cháu Th tới tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng: Đương sự tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

*** Bị đơn ông Trần Trọng T**: Tòa án đã thực hiện tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng ông T vẫn vắng mặt không có lý do và không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Bùi Thị Hương G yêu cầu ly hôn với ông Trần Trọng T, địa chỉ hộ khẩu thường trú tại xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, thì đây là vụ án "Tranh chấp ly hôn và nuôi con" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Bị đơn ông Trần Trọng T đã được Tòa án tiến hành triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Nguyên đơn bà Bùi Thị Hương G có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Bùi Thị Hương G và ông Trần Trọng T tự nguyện tìm hiểu, đủ điều kiện kết hôn và đã đăng ký kết hôn vào ngày 18/11/2014 tại Uỷ ban nhân dân xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk trên cơ sở tự nguyện nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Bà Bùi Thị Hương G và ông Trần Trọng T chung sống hạnh phúc với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là giữa hai người bất đồng quan điểm, không hợp nhau trong tính cách. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông T vẫn vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Qua xác minh tại chính quyền địa phương, nơi bà Bùi Thị Hương G và ông Trần Trọng T chung sống. Đại diện chính quyền địa phương cho biết*:"Anh Trần Trọng T có đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện đang sinh sống tại địa phương. Về mâu thuẫn vợ chồng thì địa phương không nắm rõ, do không yêu cầu hòa giải tại địa phương. Nay chị G đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với ông T thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật"*.

Hội đồng xét xử xét thấy, quan hệ hôn nhân được xây dựng trên cơ sở tự nguyện của hai bên, việc ông T không đến tham gia vào các buổi hòa giải và phiên xét xử của Tòa, đã thể hiện việc ông T không có ý định hàn gắn mối quan hệ hôn nhân này, từ đó cho thấy cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận đơn xin ly hôn của bà Bùi Thị Hương G, cho bà G được ly hôn với ông Trần Trọng T.

[2.2] Về con chung: Trong quá trình chung sống với nhau bà Bùi Thị Hương G và ông Trần Trọng T có 01 đứa con chung là cháu Trần Thị Hoài Th, sinh ngày 27/6/2015. Cháu Th hiện còn nhỏ và đang sống với mẹ. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của bà G về việc được nuôi cháu là phù hợp với thực tế và đảm bảo được quyền và lợi ích của con chung. Ông Trần Trọng T không tham gia các buổi làm việc tại Tòa án thể hiện việc không có ý kiến về việc nuôi con chung, do đó Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình giao con chung là cháu Trần Thị Hoài Th, sinh ngày 27/6/2015 cho mẹ là bà Bùi Thị Hương G trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là có căn cứ.

[2.3] Về cấp dưỡng: Nguyên đơn bà Bùi Thị Hương G không yêu cầu, tự thỏa thuận giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết là phù hợp.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét là phù hợp.

[3] Về án phí: Nguyên đơn bà Bùi Thị Hương G phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định, bị đơn ông Trần Trọng T không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ: Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ: Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Bùi Thị Hương G

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Bùi Thị Hương G được ly hôn với ông Trần Trọng T.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Thị Hoài Th, sinh ngày 27/6/2015 cho mẹ là bà Bùi Thị Hương G chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Ông Trần Trọng T có quyền qua lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Bà Bùi Thị Hương G phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà bà Bùi Thị Hương G đã nộp theo biên lại thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0005858 ngày 20/02/2020 tại chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tp. BMT;
- Chi Cục THADS Tp. BMT;
- Đương sự;
- UBND xã H;
- Lưu hồ sơ tại tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Kim Cúc